

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CAO LÃNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 04-02-2021

V/v tranh chấp về hôn nhân  
và gia đình - ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Châu Nữ Thu Hân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Đình Đoan Hùng.

Ông Nguyễn Hồng Thơ.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Lệ Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 04/02/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2021/TLST-HNGĐ ngày 20/01/2021 về việc “*tranh chấp về hôn nhân và gia đình – ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/01/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Võ Thị Bảo N, sinh năm x.

Địa chỉ HKTT: Số b, ấp T, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ hiện nay: Số s, tổ m, khóm h, Phường s, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Trần Thanh T, sinh năm y.

Địa chỉ: Số s, tổ m, khóm h, Phường s, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

(*Chị N có mặt, anh T vắng mặt tại phiên tòa*)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Võ Thị Bảo N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân:

Chị Võ Thị Bảo N và anh Trần Thanh T kết hôn vào ngày 19/10/ 2016. Sau khi kết hôn, chị N về nhà chung sống với anh T nhưng chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn. Thời gian sống chung không hạnh phúc, luôn xảy ra mâu thuẫn vì suy nghĩ của cả hai không hòa hợp. Mặc dù anh chị đã nhiều lần tìm

cách hàn gắn nhưng không thành.

Nay chị N yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên hòa giải, anh Trần Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân:

Anh T thống nhất với lời trình bày của chị N về thời gian chung sống cũng như nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn và anh T đồng ý ly hôn với chị N.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị Võ Thị Bảo N và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn. Bị đơn, anh Trần Thanh T có địa chỉ tại Phường 6, thành phố Cao Lãnh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Trần Thanh T, anh T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Chị Võ Thị Bảo N và anh Trần Thanh T tổ chức cuộc sống chung và coi nhau như vợ chồng từ năm 2016, do anh chị tự nguyện và thừa nhận. Hội đồng xét xử xét thấy, anh chị có đủ điều kiện kết hôn nhưng anh chị không đăng ký kết hôn nên việc kết hôn của anh chị là không có giá trị pháp lý, chưa xác lập quan hệ hôn nhân và không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét mâu thuẫn của anh chị để cho hay không cho ly hôn mà Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng của chị Võ Thị Bảo N và anh Trần Thanh T để làm cơ sở chấm dứt quan hệ chung sống như vợ chồng của anh chị là phù hợp với quy định tại Điều 9, Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Xét con chung, tài sản chung và nợ chung: Tại phiên tòa, chị N trình bày không có con chung, tài sản chung, nợ chung; tại phiên hòa giải, anh T cũng xác định quá trình chung sống anh chị không có con chung, tài sản chung, nợ chung nhưng không có mặt tại phiên tòa để trình bày ý kiến nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[5] Án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Trần Thanh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng của chị Võ Thị Bảo N và anh Trần Thanh T.

2. Con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có.

3. Án phí: Chị Võ Thị Bảo N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007641 ngày 19/01/2021 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, như vậy chị N đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Trần Thanh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

#### **Nơi nhận:**

- VKS ND TPCL;
- TAND tỉnh ĐT;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Châu Nữ Thu Hân**

Ủy ban nhân dân xã Tịnh Thới, thành phố Cao Lãnh (số 41/HT, quyền số 01, ngày 22/8/1996);  
có hiệu lực mới gửi